

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản và góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1958;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp H, xã B, huyện B, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Ông Tống Văn T, sinh năm 1972; vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã B, huyện B, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày:

Ngày 20/5/2014 âm lịch ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L có tham gia 01 phần hui 5.000.000 đồng/tháng, hui có 21 phần do bà làm chủ hui. Ngày 20/9/2014 âm lịch, ông T và bà L bỏ thăm hui 1.800.000 đồng để lĩnh (hốt) hui, sau khi trừ tiền hoa hồng (tiền cò) số tiền còn lại là 68.700.000 đồng ông T và bà L ký giấy biên nhận với bà. Sau đó, các bên cân trừ tiền ông T, bà L nợ bà trước

đó gồm: 35.000.000 đồng tiền vay, tiền lãi 600.000 đồng và 2.000.000 đồng của hai kỳ hội chết đây hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 37.600.000 đồng, còn lại 31.100.000 đồng bà trực tiếp giao cho ông T và bà L. Khi tham gia góp hội, bà có giao danh sách hội cho từng hội viên tham gia, tuy nhiên do hội đã kết thúc vào tháng 01/2016 âm lịch và ông T, bà L đã ký nhận giấy hốt hội với bà nên bà không còn lưu giữ danh sách hội. Sau khi lĩnh hội bà L và ông T có góp tiền hội chết cho bà nhưng không đầy đủ và bà không nhớ chính xác số tiền đã góp là bao nhiêu, góp tới ngày tháng năm nào thì ngưng. Mục đích bà L, ông T tham gia góp hội để lấy tiền trả tiền nợ vay cho bà một phần, còn lại sử dụng để làm gì bà không rõ.

Ngoài ra, vào khoảng năm 2013 – 2014, bà L và ông T có mua phân bón của cửa hàng do bà làm chủ để chăm sóc cây mì. Số lượng, giá tiền và loại phân bón bà không nhớ do thời gian đã lâu. Khi hai bên giao dịch mua bán phân bón thì không lập hợp đồng mua bán, nhưng bà có giao cho ông T, bà L một cuốn sổ nhỏ để ghi lại số lượng, loại phân bón và giá tiền. Mua bán theo hình thức gởi đầu, khi nào thu hoạch cây trồng thì mới trả tiền. Bà L là người trực tiếp giao dịch mua bán phân bón với bà, ông T là người trực tiếp đến cửa hàng của bà để chở phân bón về.

Đến ngày 07/5/2019 âm lịch (nhằm ngày 09/6/2019 âm lịch) bà L và bà có tính toán lại số tiền hội và tiền mua phân bón mà bà L, ông T nợ bà là 80.000.000 đồng. Bà L có viết và ký giấy biên nhận nợ với bà. Hai bên thỏa thuận miệng thời gian trả tiền là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ, mặc dù bà đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà L, ông T trả tiền nhưng bà L, ông T vẫn không trả tiền cho bà như thỏa thuận.

Nay bà yêu cầu bà L, ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/7/2019 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tống Văn T, bà Nguyễn Thị L nhưng ông T, bà L cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày: Bà yêu cầu ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 09/6/2019 dương lịch cho đến nay (ngày 28/9/2020), do khi khởi kiện bà tính nhầm thời gian thành ngày 09/7/2019.

Bị đơn ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L: Vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (bà Lê Thị Bích

T) trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà L.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T đối với ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/6/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T yêu cầu ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, thấy rằng: Bà Lê Thị Bích T cung cấp bản gốc giấy biên nhận nợ nội dung “*tôi tên Nguyễn Thị L tổ 3, ấp H, xã B có thiếu tiền cô ba T số là 80.000.000 tám chục triệu đồng, ngày 7-5-2019 AL, ký và ghi họ tên người mượn Nguyễn Thị L*” (bút lục 32) và giấy biên nhận hui nội dung “*L (hót hui 5.000.000 năm triệu), khai ngày 20/5/2014 AL, hót ngày 20/9/2014 AL, gồm 21 phần, kê 1.800.000, L hót tổng cộng...68.700.000 (sáu mươi tám triệu bảy trăm ngàn), ngày 01/9 sau/14 AL, ký và ghi họ tên người hót vợ Nguyễn Thị L, chồng Tống Văn T*” (bút lục 34).

Bà T trình bày khoản nợ 80.000.000 đồng do bà L ký nhận ngày 07/5/2019 âm lịch bao gồm tiền nợ hui của dây hui 5.000.000 đồng/tháng và tiền mua bán phân bón. Mặc dù ông T không cùng ký nhận giấy nợ nhưng ông T có cùng bà L ký giấy hót hui và có trực tiếp đến cửa hàng của bà để chở phân bón. Mặt khác, khoản tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T, bà L và việc mua bán phân bón, góp hui nhằm mục đích phục vụ nhu cầu cuộc sống hàng ngày của ông T, bà L, nên bà T yêu cầu ông T và bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 80.000.000 đồng cho bà là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối về các chứng cứ do bà T cung cấp. Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện sau Tết Nguyên đán năm 2020 bà L vắng mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ nơi cư trú hiện nay, không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới; ông T có mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 430, 471 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ...thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L và ông T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Bà Lê Thị Bích T yêu cầu ông T, bà L tính tiền lãi theo quy định pháp luật (0,83%/tháng) từ ngày 09/6/2019 dương lịch cho đến nay, thấy rằng: Bà T trình bày khi ký giấy biên nhận nợ số tiền 80.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất và có thỏa thuận miêng thời gian trả tiền là 01 tháng, do bị đơn vắng mặt không có ý kiến về lãi suất nên đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T, bà L chưa trả tiền cho bà T, nên việc bà T yêu cầu tính tiền lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Ngày 09/6/2019 (nhằm ngày 07/5/2019 âm lịch) đến ngày 28/9/2020, số tiền gốc 80.000.000 đồng là: $15 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 80.000.000 \text{ đồng} = 10.424.800 \text{ đồng}$ (làm tròn 10.425.000 đồng).

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích T, buộc bị đơn ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 10.425.000 đồng, tổng cộng 90.425.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tống Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $90.425.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.521.250 \text{ đồng}$ (làm tròn 4.521.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T đối với ông Tổng Văn T và bà Nguyễn Thị L về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và góp hụi”.

Buộc ông Tổng Văn T và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 90.425.000 (chín mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và tiền lãi 10.425.000 (mười triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án – bà Lê Thị Bích T (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông Tổng Văn T, bà Nguyễn Thị L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tổng Văn T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.521.000 (bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Bích T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Bích T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tổng Văn T và bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy

